

Số: 4631/CT-HTr
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH Phương Liên
(Địa chỉ: Số 464 Quang Trung, p.La Khê, q.Hà Đông, Hà Nội. MST: 0500384851)

Trả lời công văn số 02/PL/2014 ngày 19/01/2015 của Công ty TNHH Phương Liên hỏi về thuế GTGT đối với nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

- Căn cứ Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015, quy định:

“Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13.

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 5 như sau:

“3a. Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;”.

- Căn cứ công văn số 17709/BTC-TCT ngày 04/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng thuế GTGT từ ngày 01/01/2015 đối với một số mặt hàng, quy định:

“Căn cứ quy định tại Điều 3 Luật số 71/2014/QH13, từ ngày 01/01/2015 các mặt hàng: Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT từ khâu nhập khẩu đến khâu sản xuất, thương mại bán ra.”

- Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Chương I Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, quy định:

“1. Thức ăn chăn nuôi là những sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bảo quản, bao gồm: nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hay thức ăn đơn, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, phụ gia thức ăn chăn nuôi, premix, hoạt chất và chất mang.”

- Căn cứ Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

+ Tại Điều 2 Chương I quy định đối tượng áp dụng:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến quản lý, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thức ăn chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.”

+ Tại Khoản 1 Điều 5 Chương II quy định Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam:

“1. Thức ăn chăn nuôi đưa vào Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Danh mục) phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đã công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy theo quy định của pháp luật; đã được xác nhận chất lượng bởi Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi;

b) Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép nhập khẩu tại Quyết định số 90/2006/QĐ-BNN ngày 02/10/2006, Quyết định số 65/2007/QĐ-BNN ngày 03/7/2007, Quyết định số 88/2008/QĐ-BNN ngày 22/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và Danh mục thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam;

c) Đã qua khảo nghiệm, kiểm nghiệm được công nhận của Hội đồng khoa học chuyên ngành do Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi thành lập;

d) Là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học được công nhận bởi Hội đồng khoa học của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

+ Tại Khoản 4 Điều 5 Chương II quy định hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi vào Danh mục.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, có hiệu lực thi hành từ 07/02/2015, quy định sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT như sau:

“Điều 5. Công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam

1. Thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam là thức ăn chăn nuôi được Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi công nhận đủ điều kiện lưu hành tại Việt Nam sau khi đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận. Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi có trách nhiệm định kỳ hàng tháng tổng hợp, công bố Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên website của Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để các tổ chức, cá nhân có liên quan truy cập, thực hiện.

2. Thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Thức ăn chăn nuôi chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

b) Thức ăn chăn nuôi đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: ngoài đáp ứng các quy định nêu tại điểm a Khoản 2 Điều này, phải hoàn thiện công bố hợp quy theo quy định.

c) Phải có kết quả khảo nghiệm trên vật nuôi:

Đối với thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: kết quả khảo nghiệm do Hội đồng cấp cơ sở đánh giá (tổ chức, cá nhân tự tiến hành việc khảo nghiệm và đánh giá kết quả khảo nghiệm theo quy trình khảo nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành);

Đối với thức ăn chăn nuôi mới: kết quả khảo nghiệm do Hội đồng khoa học chuyên ngành được Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi thành lập đánh giá.

3. Hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

... ”

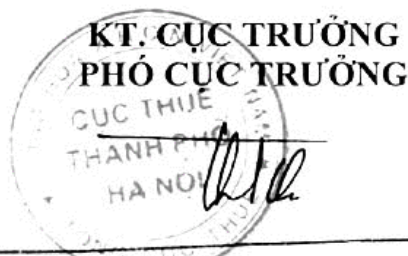
Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Phương Liên có hoạt động bán các mặt hàng mỡ cá, dầu thực vật, bột cá làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi mà các nguyên liệu này đáp ứng các điều kiện và thuộc Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT áp dụng từ ngày 01/01/2015 theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nêu trên.

Trường hợp chưa làm hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi vào Danh mục, đề nghị Công ty căn cứ vào các điều kiện thức ăn chăn nuôi đưa vào Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam và nghiên cứu hướng dẫn hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và từ ngày 07/02/2015, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu trên để thực hiện.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Thuế quận Hà Đông;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2).



Thái Dũng Tiến